

QUYỀN 43

Hỏi: Sơ Tổ từ Ấn Độ sang chỉ truyền pháp nhất tâm, Nhị Tổ tìm tâm duyên lự bất an không được, tức là biết chỉ một chân tâm tròn đầy bao trùm khắp nơi, ngay khi ấy bật đường ngôn ngữ tư duy, Tổ Đạt-ma ấn khả liền được tâm ấn và đại hạnh. Cho đến ngày nay vì sao vương mắc ngôn thuyết, trái nghịch tự tông, nghĩa học tam thừa tự có thứ bậc ?

Đáp: Trước nêu bày trong tông môn đề cao đại chỉ. Nếu quyết định tin vào chính giải không sai thì nêu lên một thí dụ thì bật đường ngôn ngữ tư duy dứt. Tôi thâm nghĩ học giả hiện nay chỉ chú trọng ý thức phân biệt phần nhiều kẹt ngôn thuyết, chỉ nói ngoài tâm không pháp mà luôn theo cảnh sinh tâm. Chỉ biết ngoài miệng nói không nhưng bước bước dạo đi trong hữu; chỉ nói chung chung danh tự của tâm, chẳng biết hành tướng vi tế của tâm. Nếu bàn về pháp môn vô lượng nói đầy đủ cùng kiếp cũng không hết. Những điều được ghi chép trong đây đều có nội dung nhất quán. Pháp môn nhất tâm này là gốc của phàm Thánh. Nếu trước tiên không biết rõ hành tướng thì làm sao xét rõ căn nguyên, nên cần có ba lượng để định thị phi, chân tu chẳng cực đoan; bốn phần (tín phần, giải phần, hạnh phần, chứng phần) thành thể dụng, chính lý không thiếu sót. Sau đó mười nhân, bốn duyên phân biệt rõ chỗ sinh của nhiễm tịnh; ba báo năm quả quan sát nơi hướng về của chân tục thì có thể dẹp Tiểu trừ tà, phân tích tình thức để phá chấp trước, liền thành chính nghĩa viên minh của Bồ-tát Hộ Pháp, Phật pháp từ Ấn Độ được truyền sang Trung Quốc. Mặt trời Phật tạm khuất bóng rồi lại sáng rực, mây tuệ tan rồi lại hợp liền được tâm cảnh dung thông, tự tha xen suốt, bất nhất bất dị xúc cảnh khế tông, phi hữu phi không tùy duyên hợp đạo. Nếu chẳng thông đạt ba lượng, chân vọng làm sao phân; nếu chẳng biết rõ bốn phần ắt thể dụng đều mất, cho nên biết nói lan man danh tự của tâm mà không biết chút gì về hành tướng vi tế của tâm trọn khó tránh khỏi bị tâm cảnh câu thúc, tự tha trói buộc. Trước mắt không hết hồ nghi, lúc lâm chung sẽ

nương tựa vào đâu ? Do đó bát-nhã là lá bùa tống thần, lúc lâm chung có thể khiến cho sinh tử không trệ ngại, chỉ vì mù lòa không có con mắt trí tuệ giáo quán chẳng rõ, từ vô thi đến nay không thể thấu hiểu, trái hiện lượng đánh mất thể tính tự tâm; chạy theo tỷ lượng phi lượng làm nhận ngoại trần. Suốt ngày đem tâm chấp tâm, lầy huyễn duyên huyễn; như chó gặm xương khô mà nuốt nước bọt, như vòi voi hút nước tắm rửa thân thể của mình thì hẳn không có tiền cảnh mà nghĩ có pháp đối trị. Từ khi hàm thức thụ thân đến nay ở trong tam giới trần lao, cũng như bị sốt nặng mê sảng thấy ma quỷ, đối với kẻ chẳng oán thù mà cho là oán thù. Như mắt nhắm sinh hoa đốm nhảm trong vô ái khởi ái, vọng sinh vọng tử, không thị không phi, đều là không giác tri, chưa thể tỉnh ngộ, ngày nay còn chẳng tin thì đợi đến lúc nào ? Biển sinh tử sâu thẳm, chẳng có chiếc thuyền tuệ thì không thể qua; lưới trần lao dày nhật chẳng có con dao trí thì không thể thoát. Bốn phần ba lượng các môn nhiều nghĩa sẽ được trình bày dưới đây.

Hỏi: Đại ý chư Phật quý nơi tâm hạnh, góp nhặt văn nghĩa chỉ thêm hí luận, do đó Văn-thù quở A-nan: Ông đem cái nghe ghi nhớ lời chư Phật, sao chẳng nghe cái nghe của chính mình, đâu bằng một niệm về nguồn, khế hợp ý Phật ?

Đáp: Đây là nói cho người chưa biết, chứ chẳng nói cho người đã biết; nói cho người chưa thực hành, chứ chẳng nói cho người đã thực hành. Nếu người đã biết, đã thực hành thì dấu tâm đã mất, cần gì ngôn thuyết! Nay chỉ vì người sơ học chưa biết, con mắt chưa mở, căn cơ viên đốn chưa phát, phải nhờ văn tuệ để trợ giúp người sơ tâm chưa thực hành, chỉ chấp dựa vào thần thông, học lời lẽ Đại thừa như con môi ăn gỗ, như tôi tớ đếm tiền, cho đến trần sa giáo môn đều vì hai hạng người này. Nhân đây thấy chân lý đúng như lời nói mà làm; vả lại, ánh sáng trí tuệ như mặt trời chiếu khắp nơi, đã văn như dầu bóng làm cho sáng loáng. Chúng sinh hạ liệt từ vô thi đến nay chịu vô lượng khổ, chỉ vì quên con đường chính tín, đánh mất môn diệu huệ, cuồng loạn dụng tâm, điên đảo hành sự, sao lại

mù lòa không có trí chiếu soi, trở lại ngờ vực tuệ quang chân thật, thiếu thốn pháp tài, lại bỏ bảo tạng đa văn.

Kinh Hoa Nghiêm ghi: “Muôn độ chúng sinh khiến họ trụ niết-bàn, chẳng là trí giải thoát không chướng ngại, trí này chẳng là giác tất cả pháp như thật, giác này chẳng là tuệ quang của hạnh vô hành vô sinh, tuệ quang này chẳng là trí quan sát thiền thiện xảo quyết định, trí quan sát này chẳng là đa văn thiện xảo”. Thế nên do nghe rõ được tâm, có thể biện biệt quyết định thiền quan sát. Do thiền phát khởi tuệ vô hành vô sinh, do tuệ liễu đạt giác các pháp như thật, do giác viên mãn trí giải thoát vô ngại. Đây đều hoàn toàn nhờ đa văn ban đầu thành tựu bồ-đề. Nếu là Tông Cảnh này không có cửa để thành Phật, dù có tu cũng thành pháp của tà ma ngoại đạo.

Luận Đại Trí Độ có kệ:

*Có tuệ không đa văn
Là chẳng biết thật tướng
Ví như trong tối tăm
Có mắt mà chẳng thấy.
Đa văn không trí tuệ
Cũng chẳng biết thật tướng
Ví như nơi sáng tỏ
Có đèn mà không mắt.
Đa văn thêm trí tuệ
Cả hai đều cần thiết.
Không văn không trí tuệ,
Là trâu mang lớp người.*

Có trí tuệ không đa văn như trong nhà tối có mắt mà không thấy gì cả. Tuy có con mắt trí tuệ nhưng không thể biết hết muôn pháp, pháp giới duyên khởi các thức huân tập v.v... như ở trong nhà tối không nhìn thấy gì cả. Cho nên thật tướng ở khắp tất cả pháp, tất cả pháp là thật tướng, chưa từng có một pháp ra ngoài pháp tính.

Nếu chẳng biết khắp tất cả pháp thì do đâu thâm đạt thật tướng, nên nói cũng chẳng biết thật tướng.

Đa văn không có trí tuệ, như nơi sáng sủa có đèn nhưng không mắt; tuy được học nhiều hiểu rộng ghi nhớ danh tướng nhưng không tự chứng chân trí, chẳng phát viên giải, chỉ rơi vào vô minh, không có lòng tin, uổng thành tà kiến, như nơi sáng tuy có ánh sáng của mặt trời, đèn đuốc mà không có mắt thì do đâu nhìn thấy. Tuy nghe nói Như Lai bảo tạng, một đời truyền bá không mệt mỏi nhưng đôi mắt chẳng mở thì chỉ đếm châu báu của người. Mắt trí chẳng phát đâu rõ được giáo tông ? Cho nên nói người này chẳng biết thật tướng.

Đa văn và trí tuệ đầy đủ mới đạt được cội nguồn thật tướng.

Đa văn, trí tuệ đều không như con mắt của trâu dê làm sao rõ được tính tướng tổng biệt của muôn pháp!

Bồ-tát học bát-nhã đừng để người chê trâu đội lớp người! Bậc đại sĩ nối tiếp Phật thừa đâu chịu người trách cam thân mỗi mọt trong gỗ! Nếu là người trí cần phải suy xét kỹ lưỡng. Thế nên chưa biết sự quý báu của tâm Phật cam chịu ở trần lao, vừa nghe tông chỉ của tính giác liền lên Thánh địa.

Như *kinh Hiền Kiếp Định Ý* nói: Bồ-tát Hỷ Vương ngồi yên bảy ngày, sau đó bèn đến Phật thừa hỏi thực hành tam-muội gì mới có thể thông đạt tám muôn bốn nghìn các độ pháp môn. Phật bảo Hỷ Vương có môn tam-muội gọi là liễu chư pháp bản, khi Bồ-tát thực hành liền có thể thông đạt các độ pháp môn. Các độ pháp môn là ba trăm năm mươi công đức của chư Phật. Mỗi công đức đều do tu lục độ làm nhân.

Giải thích: Chư pháp bản là tâm chúng sinh. Nếu theo tâm thiện trở thành môn lục độ; nếu theo tâm ác trở thành nẻo tam đồ. Đang ở cõi vui mà là cảnh khổ đều do tâm tạo; ở địa ngục mà biến thành thiên đàng cũng do tâm chuyển. Hoặc ngay sát-na thành Phật, hoặc muôn kiếp trầm luân chỉ do năng lực một niệm ban đầu, cho nên nói pháp không có tướng nhất định chỉ tùy theo tâm người,

như cây thiên ý xoay chuyển theo ý trời, có thể nói rằng mọi sự thay đổi đều nghiêm xét được nhân quả hiện tiền, chẳng động tơ tóc mà khắp cùng pháp giới, như trong khe cửa thấy hư không bao la, như trong gương nhỏ thấy bóng nghìn dặm. Sự kì đặc này kẻ mê muội chẳng biết, như thấy vàng tưởng là rắn, cho châu báu là gạch ngói. Vì thế kinh Mật Nghiêm có kệ:

*Ví như báu thù thắng,
Người rình lại xem thường.
Đem trang sức trên mũ
Được vua đội trên đầu.
Thức a-lại-da này
Là Phật tính thanh tịnh
Nơi phàm luôn tạp nhiễm,
Phật quả thường bảo trì
Như ngọc đẹp trong nước
Bị rong rêu phủ kín
Lại-da nơi sinh tử
Tập khí che chẳng hiện,
Nơi thức lại-da này,
Có hai tướng chấp thủ
Như rắn có hai đầu
Do vui mà cùng đến
Lại-da cũng như thế,
Cùng đi với các sắc.
Tất cả các thế gian,
Chấp nó cho là sắc.
Ác giác là mê hoặc,
Chấp là ngã, ngã sở.
Hoặc hữu hoặc phi hữu,
Tạo tác việc thế gian,
Lại-da tuy biến hiện,
Thế tính hằng sâu kín*

*Đối với người vô trí
Đều chẳng thể rõ biết.*

Thế nên giác liễu quán sát tâm dao động thì vạn cảnh vạn duyên đều từ đây khởi. Nếu tâm chẳng động thì mọi sự đều vắng lặng, vào môn như thật, trụ vô phân biệt. Như *kinh Nhập Lăng Già* có kệ:

*Chỉ có tâm động chuyển
Đều là pháp thế tục
Chẳng chuyển sinh trở lại
Thấy thế gian là tâm
Đến đó là sự sinh
Đi đó là sự diệt
Biết đi đến như thật
Không còn sinh phân biệt.*

Nếu cho rằng kinh luận không lợi ích, sự thuyết pháp của chư Phật trở thành uổng phí, các bậc Thanh văn thượng đức ở Ấn Độ luống nhọc kết tập, chư Bồ-tát đại quyền ở Trung Quốc cần gì phiên dịch kinh điển. Như người mắc bệnh nặng không cần diệu dược, như kẻ lạc vào đường hiểm đâu cần người dẫn đường. Lương y chẳng cứu người không bệnh; người hướng đạo cũng chẳng dẫn dắt người biết đường; thức ăn ngon không cần cho kẻ no bụng; châu báu đâu hấn động lòng người quân tử. Thấy và chẳng thấy hoàn toàn tại tâm; biết làm và chẳng làm chỉ liên quan đến mật ý, thật chẳng dám vì mình mà hại đến bậc thượng thượng cơ. Chỉ cần nhất tâm vì báo ân Phật nên phải y theo giáo biên tập sơ lược, như nhìn qua ống trúc chẳng thấy bầu trời; như tia sáng qua kẽ vách đâu thể tăng thêm ánh sáng mặt trời Chính pháp. Ngày nay tuân theo lời Phật dạy, giáo lý có nói rõ ràng pháp của sa-môn cần phải đủ ba môn bổ thí. Trong ba môn này, pháp thí là đứng đầu. Phần lượng tính tướng tám thức tâm vương trên từ chư Phật dưới đến phàm phu suy xét tận cùng gốc ngọn thảy đều đầy đủ. Chỉ ở nơi sáng tối, được mất dường như phân chia chư Phật biết rõ tâm này trở thành

diệu dụng của chân như nên làm Phật sự suốt thuở vị lai. Chúng sinh mê muội tâm ấy trở thành trần lao phiền não, từ vô thi đến nay tạo tác sinh tử, vì trong sinh hoạt hằng ngày chẳng rõ biết, chẳng phân biệt tâm vương và tâm sở, đâu biết nội trần với ngoại trần như người có mắt ở trong nhà tối, như kẻ mù lòa ở trong bảo tàng không có ánh sáng bát-nhã làm sao biện biệt chân ngụy. Thiếu trí nhãn làm sao có thể phân biệt châu báu liền lấy vọng làm chân, chấp thường là đoạn, chẳng nên làm mà làm, chui vào vòng khổ não hư vọng, chẳng nên nghĩ mà nghĩ, tập hợp ác nghiệp điên đảo. Chỉ vì chẳng gặp bạn đạo xuất thế, chưa nghe viên giáo vô thượng, mặc cho tình thức buông lung; chạy theo cái vui nhất thời mà phải chịu tai ương muôn kiếp, ngày tháng tiếp nối không hay không biết, từ sinh đến già chẳng suy chẳng xét, vì vô minh cùng sinh và cùng chết. Từ một nhà tối này lại vào một nhà tối khác, ra vòng khổ này lại vào vòng khổ nọ, nhiều kiếp sinh tử chưa có lúc dừng. Thân này chẳng biết bao giờ thoát khỏi đời khác, bản hoài của Tông Cảnh chính là điểm này. Cho nên chiếu soi như gương thì pháp nào chẳng rõ; quy về tâm như biển thì sông nào chẳng chảy vào. Chỉ một ngọn đèn có thể xóa tan bóng tối nghìn năm trong căn nhà, chỉ một pháp quán có thể chiếu phá trần lao từ vô thi. Ở đây nội dung trình bày đầy đủ, tín nhập chẳng cần suy nghĩ liền thành pháp môn, rõ được chân lý chẳng nhọc tâm lực. Nếu chưa tin vẫn còn mê muội nên phải nhắc nhở người sau đừng đánh mất pháp lợi. Cho nên *kinh Pháp Hoa* có kệ:

*Chẳng cầu Phật tối thắng
Và chẳng đoạn pháp khổ
Lún sâu các tà kiến,
Lấy khổ để bỏ khổ.
Vì những chúng sinh này
Phát khởi tâm đại bi.*

Vì không y theo sức uy thế rộng lớn của Chính giác và sức uy đức của pháp nhất tâm chính niệm, nên ngoài tâm chấp pháp trở

thành tà kiến, lấy sinh diệt làm nhân, lấy sinh diệt làm quả, vốn muốn ra khỏi sinh tử mà càng tăng thêm sinh tử; vì những hạng người này Phật khởi đại bi, khổ nhưng khổ đau hư vọng ấy. Vì sinh tử là gốc của sự đau khổ, tuy trăm năm chỉ như khoảng sát-na như lượn sóng đi về đông, như bóng chiều ngã về tây, như lửa đá nháng, ngựa qua song cửa, đèn treo trước gió, sương đầu ngọn cỏ, cây mục bên vực thẳm, tia chớp.

Nếu không gặp chính pháp tu hành thì muôn kiếp trầm luân, sống rỗng tuếch, chết vất vưởng. Như *kinh Đại Niết-bàn* ghi: “Lại nữa, Bồ-tát tu quán tử tướng, thọ mạng này thường bị vô lượng oán thù vây quanh, niệm niệm tổn giảm không tăng trưởng, như thác nước tuôn chảy không dừng, như sương sớm chóng tan, như tù nhân từng bước tiến gần đến cái chết, như trâu dê bị dắt đến lò mổ.

Bồ-tát Ca-diếp thưa: Bạch Thế Tôn, tại sao người trí quán niệm niệm diệt ?

- Đây thiện nam, ví như bốn người đều là bậc thiện xạ tụ họp ở một chỗ, đều bắn về một phương, họ nghĩ rằng bốn mũi tên của chúng ta cùng bắn ra cùng rơi xuống. Lại có một người nghĩ bốn mũi tên ấy chưa rơi xuống ta có thể một lúc bắt lấy. Đây thiện nam, người làm việc ấy có nhanh nhẹn chăng ?

- Đúng như thế, Thế Tôn!

- Đây thiện nam, quỉ địa hành còn nhanh hơn người này, quỉ phi hành còn nhanh hơn địa hành, tứ thiên vương còn nhanh hơn quỉ phi hành, thiên thân nhật nguyệt còn nhanh hơn Tứ thiên vương, Kiên Tật thiên còn nhanh hơn thân nhật nguyệt, thọ mạng của chúng sinh còn nhanh hơn Kiên Tật thiên. Đây thiện nam, một hơi thở, một chớp mắt thọ mạng chúng sinh có bốn trăm lần sinh diệt. Người trí nếu có thể quán sinh mạng như thế, gọi là hay quán niệm niệm diệt.

Này thiện nam, người trí quán sinh mạng thuộc về tử sinh, nếu ta có thể lìa tử sinh này thì dứt hẳn thọ mạng vô thường. Lại nữa, người trí quán thọ mạng này như cây cao to đứng bên bờ sông,

như có người tạo tội đại nghịch và bị giết chết không thương xót, như lúc sư tử chúa đói khát, như lúc rắn độc hút gió lớn, như lúc ngựa khát tiếc giữ nước, như lúc đại ác quỷ nổi giận, sinh tử của chúng sinh cũng như thế. Nay thiện nam, người trí nếu có thể quán như thế đây gọi là tu tập tử tưởng. Nay thiện nam, người trí lại quán nay ta xuất gia dù chỉ sống trong bảy ngày bảy đêm, ta nên tinh cần tu đạo, giữ gìn giới cấm, thuyết pháp giáo hóa làm lợi ích chúng sinh đây gọi là người trí tu tập tử tưởng. Lại có người cho bảy ngày bảy đêm là nhiều, nếu được sáu ngày, năm ngày, bốn ngày, ba ngày, hai ngày, một ngày, một giờ, cho đến trong khoảng một hơi thở ra vào, ta phải tinh cần tu đạo giữ gìn giới cấm, thuyết pháp giáo hóa làm lợi ích chúng sinh, đây gọi là người trí tu tập tử tưởng”.

Vào triều đại nhà Lương (Trung Quốc) có cao tăng phụng mệnh vua thỉnh một trăm vị đại đức để thử đạo lực. Thỉnh đến triều môn, vua chuẩn bị sẵn sàng một trăm giáp binh, cờ xí rợp trời để dọa trăm vị đại đức. Có 99 vị kinh hãi bỏ chạy, chỉ có một vị đại đức không sợ hãi. Vua hỏi vì sao hòa thượng chẳng sợ ? Vị tăng đáp: Sợ cái gì ? Từ lúc sơ sinh trong từng sát-na sát-na niệm niệm đã chết rồi!

Vì thế biết nỗi khổ tâm của chư Phật và chí nguyện của Bồ-tát cứu độ chúng sinh vô cùng bi thiết nên phải nhắc nhở nhau, đừng để sa đà lần lữa, vả lại thụ thân trong ba cõi chưa thoát khỏi cõi chết, thoát sinh thoát diệt niệm niệm luân hồi. Cho dù sự sung sướng ngũ dục của Thiên Đế, sự giàu có thất bảo của Luân Vương, tạm thời vui hưởng vận may, đến khi báo hết duyên tận cuối cùng phải chịu buồn khổ lâu dài, sự vật tốt cùng thì quay trở về, nhân quả báo đáp nhau, ai có thể tránh được nghiệp trói buộc ? Cho nên *Pháp Giới Châm* ghi: “Đừng nói chẳng sợ họa nước sôi, cũng đừng nói lo chi họa ấy còn xa, đâu bằng một niệm trở về nguồn nói tiếp dòng dõi Phật, từng niệm chẳng quên lợi vật, từng bước tương ưng với đạo, tắt cánh đồng trở về Tông Cảnh trước tiên”.

Do đó *kinh Hoa Nghiêm* ghi: “Phật tử, Bồ-tát ma-ha-tát này đối với tất cả chúng sinh sinh tâm lợi ích, tâm an lạc, tâm từ, tâm bi, tâm lân mẫn, tâm nhiếp thụ, tâm thủ hộ, tâm tự kỷ, tâm sư, tâm đại sư. Bồ-tát này thâm nghĩ chúng sinh đáng thương đọa vào rừng tà kiến, ác tuệ, ác dục, ác đạo, ta sẽ khiến họ trụ nơi chính kiến, hành đạo chân thật. Lại suy nghĩ tất cả chúng sinh phân biệt ta người, làm tổn hại nhau, đấu tranh sân giận dữ dội không ngừng, ta sẽ khiến họ trụ trong vô lượng đại từ. Lại suy nghĩ tất cả chúng sinh tham lam không biết chán, chỉ cầu tài lợi, sống bằng tà mạng, ta sẽ khiến họ trụ trong pháp chính mạng, ba nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh. Lại suy nghĩ tất cả chúng sinh thường theo ba độc các thứ phiền não nhân đó bừng khởi mà chẳng biết, chí cầu phương tiện giải thoát, ta sẽ khiến họ dập tắt ngọn lửa phiền não, an trụ niết-bàn mát mẻ. Lại suy nghĩ tất cả chúng sinh bị ngu si, vọng kiến đen tối nặng nề che phủ nên lọt vào rừng rậm âm u, mất đi ánh sáng trí tuệ, đi vào đồng hoang nguy hiểm khởi lên các ác kiến, ta sẽ giúp cho họ được con mắt trí thanh tịnh không chướng ngại biết tất cả pháp như thật tướng, chẳng theo lời dạy khác. Lại suy nghĩ tất cả chúng sinh ở trong đường hiểm sinh tử sắp đọa địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ; vào trong lưới ác kiến, bị rừng rậm ngu si làm mê lầm, đi theo đường tà, thực hành hạnh điên đảo, như người mù không có hướng dẫn viên. Chẳng phải con đường giải thoát cho là giải thoát, vào cảnh giới ma bị ác tắc quấy nhiễu, tùy thuận tâm ma, xa lìa ý Phật, ta sẽ dẹp trừ các hiểm nạn ấy làm cho họ trụ nơi thành trì nhất thiết trí vô úy. Lại suy nghĩ tất cả chúng sinh bị thác nước cuốn trôi chìm đắm vào dục lưu, hữu lưu, vô minh lưu, kiến lưu. Bị cuốn trong nước xoáy sinh tử, trôi nổi trong dòng sông ái, dòng nước chảy xiết không thể quan sát, vì theo đuổi dục giác, khuể giác, hại giác chẳng rời. Thân thấy quỷ La-sát ở trong đó chấp lấy muốn ở mãi trong rừng ái dục, đối với tham ái càng nhiễm trước sâu; trú ngụ nơi làng lục xứ, trên đồi ngã mạn không người cứu, không người giúp, ta sẽ vì họ khởi tâm đại bi, dùng các căn lành để cứu tế

khiến họ không còn tai họa, lìa nhiễm được tịch tĩnh, trụ nơi đất báu nhất thiết trí. Lại suy nghĩ tất cả chúng sinh ở trong lao ngục nhiều khổ não, thường ôm lòng yêu ghét tự sinh lo sợ, bị gông cùm tham dục trói buộc, rùng vô minh che chướng, ở trong tam giới không thể tự ra khỏi, ta sẽ khiến họ xa lìa ba cõi, trụ trong đại niết-bàn không chướng ngại. Lại suy nghĩ tất cả chúng sinh chấp trước ngã, không cầu ra khỏi nhà ngũ ấm, nương tựa làng xóm lục xứ, khởi bốn hạnh điên đảo, bị rắn độc tứ đại xâm tổn, giặc thù ngũ ấm giết hại, chịu vô lượng khổ, ta sẽ khiến họ trụ chỗ tối thắng vô sở trước, đó là diệt tất cả chướng ngại, trụ niết-bàn vô thượng”.

Vì vậy như trên kinh nói: “Ta sẽ khiến họ trụ chính kiến, thực hành đạo chân thật”. Lại nói: “Khiến họ an trụ niết-bàn mát mẻ”. Lại nói: “Khiến họ biết tất cả pháp như thật tướng chẳng theo lời dạy khác”. Lại nói: “Khiến họ trụ thành trì vô úy nhất thiết trí”. Lại nói: “Khiến họ trụ nơi tối thắng vô sở trước”; cho nên biết mỗi câu đều chỉ thẳng trở về Tông Cảnh. Vì sao ? Nếu ngộ tự tâm tức là chính kiến, vì lìa điên đảo. *Kinh Lăng Già* nói: “Ngoài tâm thấy pháp gọi là ngoại đạo. Nếu ngộ tự tâm tức là niết-bàn, vì lìa sinh tử”. *Luận* nói: “Ngoài tâm có pháp thì sinh tử luân hồi, nếu rõ nhất tâm thì sinh tử dứt tuyệt”. Nếu ngộ tự tâm là thật tướng, vì lìa hư vọng. *Kinh Pháp Hoa* nói: “Chỉ có một việc này là thật, còn có cái khác thì chẳng phải chân”. Nếu ngộ tự tâm là trí thành, vì lìa ngu si. *Kinh Tư Ích* nói: “Ngu mê nơi ám giới nhập mà muốn cầu bờ-đề nhưng ám giới nhập chẳng lìa bờ-đề”.

Nếu ngộ tự tâm là đất báu, vì đủ pháp tài. *Luận Hoa Nghiêm* nói: “Đất báu ở đâu ? Tức là tâm chúng sinh”. Nếu ngộ tự tâm chính là chỗ tối thắng vô sở trước, vì lìa tướng trụ. Nếu ngoài tâm có pháp thì tùy chỗ sinh chấp trước. *Kinh Pháp Hoa* nói: “Nhỏ sạch mọi chỗ tham trước của chúng sinh”. *Kinh Kim Cang* nói: “Nếu Bồ-tát tâm chẳng trụ nơi pháp mà thực hành bố thí như người có mắt được ánh sáng mặt trời chiếu soi thấy các thứ sắc”. Đây là biết con mắt tâm mở sáng, mặt trời trí chiếu khắp, ánh sáng soi vạn tượng pháp giới

rõ ràng sáng sủa, nào có mảy trần che chướng ? Như vậy thì tâm rỗng rang bất động, đầy đủ sáu ba-la-mật. Vì sao ? Nếu chẳng thấy một trần thì không chấp thủ. Nếu không chấp thủ thì không thể bỏ thí, đây là nghĩa bỏ thí, là ý nghĩa buông bỏ tất cả. Cho nên kinh nói không có người cho gọi là bỏ thí. Như thế thì bỏ xén và bỏ thí như nhau, thủ xả bình đẳng, nếu chẳng quy về Tông Cảnh thì lấy gì xét đoán ? Như *Nhất Bát Hòa Thượng Ca* nói:

*Xả khi xan, xan khi xả
Chẳng lìa trong ngoài và khoảng giữa
Cũng không xan, cũng không xả
Vắng vắng lặng lặng không nắm lấy.*

Chứng Đạo Ca nói:

*Nói trong im lặng, im lặng trong nói năng
Môn đại thí rộng mở không bé tắc.
Có người hỏi ta là tông gì ?
Đáp rằng Ma-ha Bát-nhã lực.*

Lại nếu chẳng thấy một trần thì không trì không phạm, nên nói rằng nếu tìm cách đề phòng ba độc thì vết thương bao giờ mới lành ? Cảnh ô nhục như lông rùa, tâm nhẫn bất khả đắc; tâm tinh tán chẳng khởi, không cần pháp đối trị. Tâm trong ngoài chẳng sinh, định loạn đều không gá, đều vào vô sinh nhẫn, thành tựu môn bát-nhã.

Hỏi: Ý chính nội dung nêu lên liền biết, cần chi lao nhọc tâm trí trình bày ?

Đáp: Tất cả mọi việc đều là Phật sự, có thể ngộ đạo đều là nhập môn, do đó cõi Phật Phổ Hiền lấy trùng mắt làm Phật sự; Nam Diêm-phù-đề lấy âm thanh làm Phật sự, cho đến mọi việc như sông, núi, đình, đài, y phục, ẩm thực, nói nín, động tĩnh, nhất nhất nêu tông đều vào pháp giới. Chỉ cần tùy duyên thể hội diệu lý, gặp cảnh rõ tâm, cho đến thấy sắc nghe thanh đều có thể chứng quả; hoa bay xuyên động đều có thể ngưng thần. Như luận nói: “Có quốc vương nhìn thấy hoa bay lá rụng được quả Bích-chi Phật”.

Xuyên động, Thiên kinh nói: “Có quốc vương sai cung nữ xoa thân làm vòng xuyên khuya, vua bảo giảm bớt vòng xuyên cho đến chỉ còn một vòng thì không còn âm thanh, nhân suy nghĩ âm thanh này từ nhân duyên sinh, liền chứng quả Bích-chi Phật. Cũng như con vượn thấy Bích-chi Phật ngồi thiên, sau đó đến nơi khác thấy các ngoại đạo tu khổ hạnh, liền dạy ngoại đạo ngồi kiết già, dùng tay bịt miệng nhắm mắt. Các ngoại đạo khen: Hẳn có pháp thù thắng. Ngoại đạo thụ giáo đều chứng Bích-chi Phật, cho nên biết chỉ tuân theo giáo hạnh, y pháp chẳng y nhân thì không ai chẳng chứng quả; chỉ trừ người chẳng tin thì nghìn Phật không thể cứu”. Như trong *kinh Hoa Nghiêm* nói: “Lòng tin là tay, như người có tay đến chỗ trân bảo tùy ý nhặt lấy. Nếu không có tay thì không được gì cả. Như thế người vào Phật pháp có bàn tay tín tâm tùy ý nhặt lấy của báu đạo pháp. Nếu không có tín tâm thì không được gì cả”. Người xưa nói: “Người không đạo giống như chiếc xe không có trục; xe không trục không thể chạy, người không đạo không thể hành”. Lại nói: “Không gần người quân tử, chẳng phải là đạo bất đồng, sao cứ lơ là chẳng siêng cầu chí đạo”. Tông Cảnh Lục là chỗ tụ họp của châu báu, có thể được bảo pháp đại bồ-đề vô thượng của chư Phật, tất cả công đức bất khả tư nghì, cho nên thanh tịnh tụ này không có sáu mươi hai tà kiến, tám vạn bốn nghìn phiền não cấu trược, hay làm mãn nguyện tất cả chúng sinh, có thể thanh tịnh tất cả tâm chúng sinh. Như *luận Đại Trí Độ* nói: Bát-nhã ba-la-mật này, cho đến tất cánh không cũng không chấp trước, bất khả tư nghì cũng không chấp trước, đây gọi là thanh tịnh tụ. Bây giờ, Tu-bồ-đề tư duy Bát-nhã ba-la-mật này là trân bảo tụ, hay làm mãn nguyện tất cả chúng sinh, này như bảo châu như ý không tỳ vết, như hư không không bụi bặm, đó là sự an lạc hiện tại, an lạc của niết-bàn, an lạc của a-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, người ngu si lại muốn phá hoại Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh tụ. Bát-nhã ba-la-mật tất cánh thanh tịnh tụ mà người tự khởi nhân duyên tà kiến muốn làm chướng ngại, phá hoại, như người nhắm mắt thấy trân bảo đẹp cho là xấu,

cho nên biết do bệnh mắt sinh ra hoa đốm trong hư không, hư không vốn không có hoa đốm. Do tà kiến khởi vọng tâm, pháp vốn không có tà kiến. Lại nếu đem ác tâm chẳng tin muốn huỷ hoại chính nghĩa bát-nhã Tông Cảnh thì chỉ chuốc lấy tội phỉ báng, chứ diệu chỉ nào có suy giảm ? Cũng như người dùng tay chặn cây mâu thì chỉ tự làm hại tay mình, chứ cây mâu nào có tổn thương gì ?

Diễn nói bát-nhã thì được phước lớn, phỉ báng thì bị tội nặng. Nếu theo tình chấp hiểu sai, cho đến chẳng tin v.v... đều trở thành phỉ báng.

Kinh Đại Niết-bàn nói: “Hôm nay ta vì các đệ tử Thanh văn nói luận Tỳ-già-la, đó là Như Lai thường còn bất biến”. Có thuyết nói Như Lai vô thường tại sao lỗi người này không rụng xuống đất. Nếu có thể chính tín viên giải không sai, khắp cả cảnh, khắp cả hư không đều cùng diệu chứng. Trên pháp hội Lăng Nghiêm. Phật bảo A-nan: Mười phương Như Lai mỗi mỗi tu hành nơi 18 giới đều được viên mãn vô thượng bồ-đề. Trong đó không có pháp hơn kém, chỉ có ông hạ liệt, ở trong đó chưa thể viên mãn trí tuệ tự tại, cho nên ta phải nói rõ để cho ông chỉ thâm nhập một môn. Một môn không hư vọng thì biết sáu căn kia đều thanh tịnh. Thế nên Kiều Trần Na do thanh trần ngộ đạo, Ưu-ba-ni-sa-đà do sắc trần ngộ đạo, đồng tử Hương Nghiêm do hương trần ngộ đạo, cho đến Bồ-tát Hư Không Tạng do hư không ngộ đạo, thế mới biết tự tính ở khắp nơi đều là con đường vào, nào hạn cuộc ở một môn, lại chỉ lấy sự ngu si hạn hẹp, nương tựa vào sự suy nghĩ cạn cợt. Vả lại, pháp không nhanh chậm, nhận thức có thô thiển; môn ngăn chướng đều có sâu cạn, thế nên Bồ-tát Văn-thù có bài tụng:

*Về nguồn tính không hai,
Phương tiện có nhiều môn
Thánh tính thấy đều thông
Thuận nghịch là phương tiện
Sơ tâm vào tam-muội
Nhanh chậm chẳng đồng nhau.*

Trong Tông Cảnh Lục đều là pháp môn bất tư nghì đại uy đức của mười phương chư Phật, như mặt trời chói lọi trẻ sơ sinh làm sao thấy được, pháp tòa cao ngất người thấp bé không thể leo lên được, chỉ có bậc đại nhân như Văn-thù, Phổ Hiền, căn khí thượng thượng mới có khả năng.

Luận Hoa Nghiêm ghi: “Đại Quang Vương nhập Bồ-tát đại từ vi thủ tam-muội, hiển bày nghiệp dụng của từ tâm lợi ích tự tại khiến cho người sau học tập theo để sáng tỏ trí vô y, vào tâm của tất cả chúng sinh, cùng nó đồng thể không có tính khác. Hữu tình vô tình thấy đều đồng thể, vì vào tam-muội này, do nghiệp cảm khiến tất cả chúng sinh cho đến rừng cây thác nước thấy đều hướng về, cành cây thấy đều rũ nhánh cúi đầu; Dạ-xoa La-sát thấy đều dứt trừ điều ác. Vì rõ được trí, tùy theo tất cả chúng sinh đều đồng nghiệp dụng một tính không hai. Như vua ở thế gian có lòng thương người thì long thần quy phục, lân phụng tự hội, hướng chi người! Như Đại Quang Vương trí suốt nguồn chân, hạnh đồng pháp giới, tâm từ bi làm đầu, tinh thần hòa hội hàm linh, cùng hòa nhập với muôn loài là cội gốc của muôn loài. Như châu ma-ni tuy cùng màu với vật mà vẫn giữ bản sắc, như Thánh trí vô tâm lấy tâm của vạn vật làm tâm mà vạn vật không trái với tâm. Rõ được tâm đồng thể đại bi cùng vật đồng dụng, đối hiện sắc thân mà khiến phát minh, cho nên núi non và cây cỏ đều hướng về vua lễ kính. Vũng nước, suối, giếng cho đến sông biển thấy đều phun vọt trước nhà vua, vì trí cảnh và pháp đại từ hợp lại như thế. Nếu cảnh do tình thức chúng sinh biến hiện tức là chúng sinh không thể làm ra, như cảnh giới trong thế giới Liên Hoa Tạng đều làm Phật sự, do trí cảnh chẳng phải tình thức làm ra nên bậc Thánh đem trí trở về tình khiến cho báo của chúng sinh hữu tình được loài vô tình cây cỏ núi non sông biển thấy đều theo trí xoay lại lấy ngọn làm gốc, cho nên như ở thế gian người có lòng chí hiếu khiến cho cá vọt từ ao băng, măng tre mọc giữa mùa đông, hướng là chân trí xuất phát từ lòng từ bi ? Thế nên biết diệu dụng của pháp giới vô cùng vô tận”.

Từ trong chân tính duyên khởi, khởi không gì chẳng diệu thì lý không gì chẳng phải sự, Phật pháp là thế pháp đâu thế chọn thì bỏ phi ? Sự không gì chẳng phải lý, thế pháp là Phật pháp, đâu nên bài tục sùng chân ? Chỉ vì chưa vào Tông Cảnh, cảnh trí chưa mát, sinh trưởng mộng niệm mà khởi ra pháp dị biệt, phát huy vọng tưởng mà giao ứng những đường lối khác; đến chỗ này thủ xả trái nghịch viên thường, do đó không thể động tĩnh đồng quán, thiện ác cùng hóa bởi vì chưa nghe Tông Cảnh vậy.

Hỏi: Sao chẳng y theo từ Thiền tông đến chính lộ huyền học, chỉ cần mọi chỗ không dính mắc phóng khoáng tùy duyên, vô tác vô tu tự nhiên hợp đạo cần gì cố gắng theo nghĩa mê văn, có thể nói là bỏ tĩnh cầu động, chán đồng ưa dị ?

Đáp: Sự tương thừa thời cận đại không y cứ lời dạy của người xưa mà chỉ theo nhận thức của mình chẳng hợp lời viên đốn, hoặc tự xưng chứng ngộ mà hiểu bằng ý thức, truyền bằng tình cảm. Dù được định mà vẫn giữ sự ngu si chứng đắc mù mờ, do đó kẻ hậu học nói càn không vâng lời thầy, trong giáo lý của bậc tiên Thánh đã phá trừ tất cả.

Nói “tất cả chỗ không dính mắc”, A-nan đoán biết trước thời mật pháp mọi người đều mắc phải sự ngu si này, trong hội Lăng Nghiêm ngài bày nghi khởi chấp để Thế Tôn đích thân quở trách phá trừ. *Kinh Thủ Lăng Nghiêm* ghi: “A-nan bạch Phật: Thế Tôn, xưa con thấy Phật cùng với bốn vị đệ tử lớn Đại Mục Liên, Tu-bồ-đề, Phú-lâu-na, Xá-lợi-phất chuyên pháp luân, thường nói Tâm tính giác tri phân biệt chẳng ở trong cũng chẳng ở ngoài, chẳng ở giữa, đều không ở đâu, tất cả không dính mắc gọi là tâm, vậy thì khi con không dính mắc gọi là tâm chăng ? Phật bảo A-nan: Ông nói tâm tính giác tri phân biệt đều không ở đâu, các vật tượng dưới nước trên đất bay nhảy trong hư không ở thế gian gọi là tất cả. Ông chẳng dính mắc là có hay là không ? Không thì đồng với lông rùa, sừng thỏ, tại sao chẳng dính mắc. Có cái chẳng dính mắc thì không thể gọi là không. Không tướng thì không, chẳng phải không thì tướng,

tướng có thì tồn tại tại sao không dính mắc, cho nên phải biết tất cả không dính mắc gọi là tâm giác tri, không có việc này”.

Nói “phóng khoáng tùy duyên”, ở trong Viên giác vẫn còn có bốn bệnh. *Kinh Viên Giác* ghi: “Này thiện nam, bậc thiện tri thức chúng diệu pháp cần phải lìa bốn bệnh. Thế nào là bốn bệnh ?

1- Bệnh tác: Nếu có người nói rằng nơi bản tâm ta làm các hạnh muốn cầu viên giác, tính viên giác ấy vì chẳng phải tạo tác mà được nên gọi là bệnh.

2- Bệnh nhậm: Nếu có người nói rằng ngày nay chúng ta chẳng dứt sinh tử, chẳng cầu niết-bàn. Niết-bàn sinh tử không có niệm khởi diệt, mặc cho tất cả tùy theo pháp tính muốn cầu viên giác; tính viên giác ấy vì chẳng phải mặc tình có nên gọi là bệnh.

3- Bệnh chỉ: Nếu có người nói rằng ngày nay tự tâm ta bật dứt các niệm, được tất cả tính lặng lẽ bình đẳng muốn cầu viên giác; tính viên giác ấy vì chẳng phải ngưng dứt mới khế hợp nên gọi là bệnh.

4- Bệnh diệt: Nếu có người nói rằng ngày nay ta vĩnh viễn đoạn trừ tất cả phiền não, thân tâm rớt ráo không, không còn gì cả, huống là cảnh giới căn trần hư vọng tất cả đều lặng dứt muốn cầu viên giác; tính viên giác ấy vì chẳng phải tướng vắng lặng nên gọi là bệnh.

Lìa bốn bệnh này thì rõ được sự thanh tịnh. Quán như thế gọi là Chính quán, còn quán khác đi gọi là tà quán”.

Như trên đã nói không những khởi lên sự hiểu biết về vô trước tùy duyên rơi vào tà kiến mà tâm lặng lẽ vẫn còn trong phạm vi ý thức. Như có người học hỏi quốc sư Tuệ Trung: Khi chẳng tác ý được lặng lẽ chẳng ? Đáp: Nếu thấy lặng lẽ tức là tác ý.

Vì ý căn khó ra khỏi động tĩnh nên đều lạc vào pháp trần. Cho nên biết đều là chấp vào kiến giải tu thiền, nói bệnh là pháp như nấu cát muốn thành cơm, vịn cây tìm cá, uổng công vô ích trải qua bao trần kiếp. Vả lại, lời Phật trong kinh sâu xa kín đáo, nghĩa ngữ chẳng phải văn; không như tình kiến thô phù của chúng sinh thì

văn ngữ chẳng phải nghĩa. Lại nếu chấp việc tùy duyên vô trước đều rơi vào tà quán; nếu được môn phương tiện tất-đàn, đều thành Chính quán. Thế nên thuộc bệnh khó phân, thủ xả đều sai, chỉ cần trực ngộ tự tâm thì đường ngôn ngữ suy tư dứt, cảnh trí đều mất, nhân pháp cùng không, ngay nơi ba nghiệp của chúng sinh khai mở tri kiến Phật, ngay trong năm ấm sinh tử hiển bày đại bồ-đề; kinh điển liễu nghĩa đáng làm chuẩn mực, tri thức do tu chứng mới đưa đến chỗ chân thật. Cho nên đước trí sáng tỏ chiếu khắp mười phương, hoa tâm tươi đẹp phô sắc trong pháp giới.

Lại nếu thâm đạt tông này chẳng thấu chẳng nhiếp, ngay nơi tướng niệm mà thành trí, đang nói nín mà khế chân, định xuất nhập khó gân, tâm ưa chán chẳng đến, cho nên nói ưa thích tịch tĩnh là chẳng đúng, phóng dật lại càng sai.

Như *luận Hoa Nghiêm* nói: “Các vị Bồ-tát Phổ Nhãn v.v... với xuất nhập tam-muội chẳng thấy được ba nghiệp và tòa cảnh giới của Phổ Hiền nên nêu ra ví dụ các tướng hư huyễn không chỗ trụ trong văn tự huyễn thuật. Biết thể của văn tự huyễn thuật trọn không nơi chốn thì làm sao tìm cầu ? Không thể đem chỗ xuất nhập tam-muội tìm cầu nó, dẹp trừ sự sinh diệt trầm tịch liền khiến tướng niệm. Biết rõ động dụng của tướng niệm, thể tự bao trùm dụng mà thường lặng lẽ chẳng còn diệt nữa. Cho nên Phổ Hiền dùng kim cang tuệ vào khắp pháp giới, nơi tất cả thế giới không đi không dừng, biết thân chúng sinh chẳng phải là thân không đến không đi, được thân thông tự tại không dứt sạch, không sai khác. Đây nói về nhậm vật tự chân gọi là thân; chẳng làm, chẳng nghĩ, chẳng định, chẳng loạn, chẳng đến, chẳng đi, nhậm trí cùng khắp, lợi sinh tự tại, tùy căn ứng hiện gọi là thông. Vạn pháp như thế không xuất nhập định loạn mới gọi là tác dụng ba nghiệp và tòa cảnh giới của Phổ Hiền. Như chỗ ngồi của Bồ-tát Thập địa chỉ nói đầy đủ tam thiên đại thiên thế giới, số lượng tòa Phổ Hiền đồng hư không vì tất cả ở trong pháp giới Liên Hoa Tạng, biết được trí lượng của Bồ-tát Thập địa vẫn còn khoảng cách, từ đây trở lên chưa thích nghi, xuất nhập

môn tam-muội bất khả thuyết ấy vẫn có tịch dụng, có giới hạn chương ngại. Vì sau quả vị Thập địa chưa được sự tự tại của Bồ-tát Phổ Hiền cho nên ba lần cầu Phổ Hiền, ba lớp thăng tiến liền sinh tướng niệm rồi mới hiện thân và nói mười điều về cảnh giới tam-muội. Ý trách Bồ-tát Thập địa vẫn còn cầu xuất thế gian, cảnh giới sinh tử chưa bình đẳng nhiệm vận tự tại nơi mười phương, thế nên Như Lai dạy lại sinh tướng niệm, trừ bỏ tập nhiễm xuất thế tịnh tâm trong Thập địa. Đây nói về Thập địa duyên chân tục xuất thế, vì còn tập khí mê hoặc”.

Trên đây ý nói về đối trị Bồ-tát Thập địa duyên hai tập khí chân tục chưa mất, hai tập khí tịch loạn chưa hết, nơi các tam-muội còn có tập khí xuất nhập nên chưa được thường vào sinh tử như hư không, vô tác mà thường khắp cả, chẳng thuộc về hạn lượng. Tất cả chúng sinh cho đến cảnh giới lấy đó làm thể. Trí của Phổ Hiền như hư không, tất cả chúng sinh cho là sinh thể. Có chúng sinh tự mê trí gọi là vô minh, Bồ-tát Phổ Hiền tùy theo sự mê muội ấy đối hiện sắc thân trong mười phương thế giới. Vì trí vô thể như hư không, chẳng phải tính tạo tác, không đến đi, chẳng phải sinh, chẳng phải diệt. Chỉ cần đem biến trí đồng hư không dẹp mê mờ cho tất cả chúng sinh. Trí không có thể tướng vì có thể tùy theo đại dụng đồng pháp giới, hư không giới nên đâu thể đem địa vị Bồ-tát Thập địa với xuất nhập tam-muội tìm cầu làm sao thấy được! Thế nên Như Lai vì các Bồ-tát nói, đem văn tự huyền thuật cầu thể tướng ấy có được chăng? Tâm cầu huyền còn bất khả đắc thì làm sao có tướng huyền kia để cầu? Thế nên đem xuất nhập tam-muội và đem tâm cầu mà cầu trí thân thiện xảo vô y đại dụng Phổ Hiền trọn không thể được. Cho nên dạy các Bồ-tát lại sinh tướng niệm, ân cần ba lễ, Bồ-tát Phổ Hiền mới dùng sức thần thông như ứng hiện thân, biết rõ trí thân không thể dùng tam-muội tìm cầu, vì trí thể vô sở trụ, vô sở y. Nếu tướng niệm ưa thích liền ứng hiện không có nơi chốn, như tiếng vang trong hang chỉ là âm thanh ứng theo vật. Nếu có cầu thì không có nơi chốn để được.

Phật nói: “Bồ-tát Phổ Hiền nay hiện ở trong chúng hội đạo tràng này, ở gần bên ta, ban đầu không chuyển động dùi đỏi”. Vì tính của căn bản trí không nương gá gọi là hiện ở trong đạo tràng này. Vì hay đối trị các kiến uẩn sở đắc, vì phổ quang minh trí tổng biệt đồng dị vô ngại cùng một thể với đại dụng của chư Phật mười phương nên gọi là chúng hội. Vô biên sai biệt trí hải nhất thời đều sử dụng với căn bản trí thể không dùi đỏi, vô y trụ trí nên gọi là ở gần bên ta ban đầu không chuyển động dùi đỏi.
